



Tìm hiểu một số bài thơ Thiền - Phật của chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 - 1725)

ISSN: 2734-9195

10:15 12/11/2025

Có thể nói chúa Nguyễn Phúc Chu là một tác gia văn học lớn nhất, đặc biệt là thơ Đường luật, đã để lại những bài thơ gây ấn tượng, rất đặc sắc, nhất là về thơ thiền thì các hậu duệ của ông dù là nhà thơ lớn đời sau cũng không thể hơn được.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**

Chúa Nguyễn Phúc Chu (Quốc Chúa) là vị chúa thứ 6 trong các đời chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Ông là con trưởng của chúa Nguyễn Phúc Thái, sinh ngày 11/6/1675 (năm Ất Mão), nối ngôi ngày 7/2/1691, được xưng tụng là Quốc Chúa hay Minh Vương. Mẹ chúa là bà Tống Thị Lĩnh, quê ở Thanh Hóa, con của Thiếu phó Quận công Tống Phúc Vinh. Bà được hầu Nguyễn Phúc Thái từ khi chưa lên ngôi. Đến khi chồng lên ngôi chúa, bà được thăng làm Cung tần. Sinh được con trai là Nguyễn Phúc Chu lại càng được chúa yêu quý và bà phi của Phúc Thái (không có con) càng vì nể và đem Phúc Chu về nuôi.

Nguyễn Phúc Chu được cho ăn học khá cẩn thận vì thế văn hay chữ tốt, đủ tài lược văn võ, lên ngôi chúa lúc 17 tuổi, khi đất nước yên bình, cuộc sống ổn định, kinh tế phát triển. Chúa có phẩm chất cương trực, quan tâm chiêu hiền đãi sĩ, cầu lời nói thẳng, nạp lời can gián, bỏ xa hoa, bớt chi phí, giảm nhẹ thuế má, bớt việc hình ngục.

Ông là người sùng mộ đạo Phật, có nhiều đóng góp cho việc hưng nghiệp Phật giáo ở Đàng Trong. Năm 1694, chúa cho người sang Quảng Đông mời hòa thượng Thạch Liêm (Thích Đại Sán) sang Thuận Hóa thuyết pháp về đạo Phật và lập trai đàn ở chùa Thiên Mụ để cầu siêu và tịnh độ cho binh dân xứ Thuận Hóa.

Ông quy y với hòa thượng Thạch Liêm, phát tâm **thọ giới Bồ tát** tại gia vào năm 1695 và được hòa thượng Thạch Liêm ban cho pháp danh Hưng Long, đạo hiệu là Thiên Túng đạo nhân. Vì thế, khi sáng tác thi văn, ông thường ghi ba chữ Đạo nhân thư ở cuối các tác phẩm của mình. Chúa Nguyễn Phúc Chu đã để lại những bài thơ Đường luật sáng giá, những bài thơ thiền rất đặc sắc. Thơ của ông thể hiện sự am hiểu sâu sắc về đạo Phật, triết lý nhân quả và tinh thần

nhập thế, xây dựng đất nước.

Khi vừa lên ngôi, chúa cho xây dựng một loạt chùa miếu, mở hội lớn ở chùa Thiên Mụ, chùa núi Mỹ Am. Tự chúa cũng ăn chay ở vườn Côn Gia một tháng trời; chúa phát tiền gạo cho người nghèo thiếu.



Tượng chúa Nguyễn Phúc Chu. Ảnh sưu tầm.

Thời kỳ này, chiến tranh Trịnh - Nguyễn đã tạm ngừng hơn 30 năm, bờ cõi yên ổn. Nguyễn Phúc Chu có điều kiện mở rộng đất đai xuống phía nam và đặt được những thành tựu đáng kể: đặt phủ Bình Thuận năm Đinh Sửu (1697) gồm các đất Phan Rang, Phan Rí trở về Tây, chia làm hai huyện An Phúc và Hòa Đa bắt đầu đặt phủ Gia Định: chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long, dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn, lập xã Minh Hương...

Năm 1702, công ty Ấn Độ của Anh do Ailen Catohpoe đem 200 quân đến chiếm đảo Côn Lôn. Chúa lập tức sai Chưởng dinh Trấn Biên Trương Phúc Phan dùng mưu đánh đuổi ra khỏi đảo..

Năm Mậu Tý (1708) chúa Nguyễn Phúc Chu trao cho Mạc Cửu làm Tổng binh trấn giữ Hà Tiên, tước là Cửu Ngọc Hầu.

Ngày Phật đản năm Canh Dần (1710), chúa đã cho đúc chuông chùa Thiên Mụ nặng 3286 cân (hơn 2.000 kg) mà tiếng vang đại hồng chung đó bao trùm cả kinh thành, mang lại câu ca dao nổi tiếng cả nước mà hầu như ai cũng biết:

*"Gió đưa cành trúc la đà.
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương".*

Tức cảnh sinh tình, với dạt dào cảm xúc, chúa Nguyễn Phúc Chu đã ngâm bài thơ thiền *"Thiên Mụ hiếu chung"* (Chuông sớm Thiên Mụ) theo thể thơ Đường luật thất ngôn bát cú như sau:

*"Kỳ bạch đông phương tụy tích trùng,
Thự quynh tiệp dĩ bách hoa nùng.
Tà khan vân ảnh giang can nguyệt,
Bất thính triều thanh sơn tự chung.
Độc ngã nhân tình y phiếu miếu,
Kỳ nhân trần mộng đắc thung dung.
Du du dư vận chư thiên lý,
Phạn ngữ dao ưng đáp hiếu chung".*

Dịch thơ:

*"Thắm biếc phương trời rực rạng đông,
Trăm hoa bừng nắng sắc thơm nồng.
Mắt nhìn mây tỏa trắng lòng nước,
Tai vắng sóng triều núi điểm chuông.
Riêng tở tình sông về thắm thắm,
Ai người trần mộng tới thông dong.
Mênh mang dư vận tầng không tỏa,
Phạn ngữ chuông chùa buổi sớm trong".*



Cảnh chùa Thiên Mụ (Huế). Ảnh sưu tầm.

Bài thơ "*Thiên Mụ hiếu chung*" đã tả cảnh chùa Thiên Mụ rất đẹp, sắc màu rực rỡ, chan hòa ánh sáng, không gian rộng mở, hình ảnh và âm thanh sống động từ ngoại cảnh đến tâm hồn bên trong, tràn ngập niềm vui, hạnh phúc và niềm tự hào, kiêu hãnh về quê hương đất nước thanh bình.

Ở bài thơ Đường luật khác, bài "*Khi ở núi Tam Thai nghe sóng*", Nguyễn Phúc Chu viết:

*"Kỳ thú Tam Thai từng bích phong,
Trung hư ngoại hữu bạch vân phong.
Tự lai Việt hải văn xuân lãng,
Như tại Bà Dương thánh thạch chung.
Bất đoạn phong thanh bên bạch mã,
Hoàn nghi vũ sắc khởi thương long.
Dục tầm thanh mộng hà tăng khán,
Hưởng triệt nham tiền kỷ thụ từng".*

Dịch thơ:

*"Tam Thai chót vót đỉnh non xanh,
Động vắng mênh mang mây lượn quanh.
Bát ngát sóng xuân tràn Việt Hải,
Vang rền chuông đá vọng Dương Thành.
Gió reo ngựa trắng liên hồi phóng,
Mưa cuốn rồng xanh thấp thoáng doanh.
Mộng đẹp mơ tìm sao chẳng thấy,*

Rì rầm vách núi cụm tùng xinh".

Khi nói về bài thơ này, Tiến sĩ sử học Đinh Công Vỹ đã nhận xét: *"Tình người cảnh ấy ở đây rất thân quen, là sự kết nối hài hòa giữa cảnh và tâm, giữa sắc và không, giữa trần tục và xuất thế, hư hư thực thực, rất đời rất Phật. Đó cũng là rất thiền".* ("Triều Nguyễn từ chúa đến vua một dòng thơ Đường luật đế vương hoàng tộc", Hội thảo khoa học thơ Đường luật thời Nguyễn, 2025).

Năm 1714, chúa cho mua hơn ngàn quyển Kinh, Luật và đại trùng tu ngôi chùa này. Đánh dấu sự kiện quan trọng đó, chúa cho làm văn bia, mở Đại trai đàn, và phát chẩn cho người nghèo suốt cả tháng. Vua Chiêm là Kế Bà Tử cùng hoàng gia Chiêm cũng được mời dự.

Cũng trong năm 1714, chúa Nguyễn Phúc Chu đã cho đại trùng tu chùa Thiên Mụ. Mùa đông năm sau - 1715, ông lên thăm chùa và cho dựng bia đá khắc bài minh của mình. Bài minh có tên là: *"Ngự kiến Thiên Mụ tự"*. Tấm bia đá khắc bài minh văn của chúa Nguyễn Phúc Chu là 1 trong 5 tấm bia nổi tiếng được dựng quanh tháp Phước Duyên của chùa (còn gọi là tháp Từ Nhân hay tháp Thiên Mụ). Tấm bia này đã được nhà nước công nhận là Bảo vật quốc gia năm 2020.

Bài minh văn gồm 1260 chữ, khắc chữ chân phương, ca ngợi đạo Phật, đất nước, quá trình tôn tạo, mô tả vẻ đẹp chùa Thiên Mụ. Đặc biệt, cuối bài minh còn được khắc bài thơ nổi tiếng của chúa Nguyễn Phúc Chu:

Phiên âm Hán Việt như sau:

*"Việt quốc chi nam hê, giai thủy giai san.
Bảo sát chi tráng hê, nhật chiếu thiên quan.
Tính chi thanh tĩnh hê, khô hưởng sần sần.
Quốc chi điện an hê, tứ cảnh u nhàn.
Vô vi chi hóa hê, Nho Thích đồng ban.
Ký tư thẳng khái hê, nhân quả hồi hoàn.
Kiến tiêu lập đích hê, thành tồn tà nhàn".*

Tạm dịch:

*"Nước Việt phương Nam, non sông hùng vĩ thay,
Chùa chiền tráng lệ, cửa Thiền sáng đêm ngày.
Trong tâm tĩnh tại, lắng nghe dòng suối chảy,
Đất nước thanh bình, cảnh đẹp lòng ngất ngây.
Vô vi Đạo Phật, đạo Nho cùng giáo hóa,*

Vài dòng cảm khái, trên đời có nhân quả,
Ta dựng bia, ngăn lòng tà, khuyến lòng ngay".
(Bản dịch của Trịnh Sinh)

Bài thơ của chúa Nguyễn Phúc Chu đã phản ánh tâm thế của những người đi mở cõi phương Nam, vượt Hoành Sơn vào đất Thuận Hóa, dựng nên một đế chế mới, tạo dựng được một xã hội thanh bình, khuyến khích người dân hướng thiện, chung tay xây đắp cuộc sống yên vui. Lúc này, đạo Phật và đạo Nho cùng thịnh hành trong tâm thế người Việt.

Đặc biệt, chúa Nguyễn Phúc Chu rất thích chơi đồ sứ kiểu dáng phương Đông và đề thơ lên đồ sứ, nay còn lưu giữ một số bát tô sứ hiệu đề "*Thanh ngoạn*" đề thơ về cảnh đẹp vùng Thuận - Quảng. Có thể kể đến bài thơ "*Hà Trung yên vũ*":

"Hà Trung yên vũ" (vịnh cảnh đẹp đầm Hà Trung):

*Hải khí sơn phong táp táp kinh
Tiệm khan yên thấp tán thiên thanh
Ngư đăng kỷ điểm tri giang ngoạn
Lữ khách lạc tiêu thính vũ thanh
Thiên tụng bất văn u khánh vận
Hương tư nan xích cổ nhân tình
Việt Nam diệc hữu Tiêu Tương cảnh
Dục thiến đan thanh tả vị thành".*

Dịch thơ:

*"Ngàn khơi gió rít sóng gào,
Mưa tan mây tạnh, trời cao hiện dần.
Đèn chài thấp thoáng xa gần,
Thâu đêm lữ khách bần thần nghe mưa.
Tụng kinh chuông khánh chẳng thừa,
Tình quê da diết, người xưa đâu rồi.
Tiêu Tương tựa cảnh bồi hồi,
Đan thanh cảnh sắc, tả rồi chẳng nên!".*
(Bản dịch của Chi Nguyên)

Điều đáng chú ý trong bài thơ xuất hiện hai chữ "*Việt Nam*" ở câu thứ 7 "*Việt Nam diệc hữu Tiêu Tương cảnh*" (Việt Nam cũng có Tiêu Tương cảnh) với hàm ý ước vọng của chúa Nguyễn sẽ làm chủ một quốc gia mới mang quốc hiệu "*Việt Nam*" đậm tính minh triết nhân sinh về chủ quyền đất nước.

Nói về cảnh, chúa Nguyễn Phúc Chu còn có bài thơ viết về đèo Hải Vân:

*"Việt Nam hiểm ải thử vân điền,
Hình thế hỗn như Thục đạo thiên.
Đã kiến vân hoành tam tuần lãnh,
Bất tri nhân tại kỷ trùng thiên".*

Học giả Thái Văn Kiểm đã dịch bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường thi này thành thơ lục bát của Việt Nam rất hoành tráng:

*"Núi này quan ải nước Nam,
Khác nào đường Thục sầm nham gấp ghềnh.
Mây che ba ngọn núi quanh,
Biết đâu người ở trời xanh mấy tầng".*

Núi đèo Hải Vân là vùng quan hà hiểm yếu trên đường thiên lý Bắc Nam nổi tiếng của nước ta, có vị trí như *"đường vào nước Thục"* (Trung Hoa), *"khó như lên trời"* mà các bài thơ Đường của nước họ đã tả. Bài thơ của chúa Nguyễn Phúc Chu chỉ khiêm tốn bằng vài nét chấm phá nhưng đã thể hiện niềm tự hào về phong cảnh cũng như vị trí hiểm yếu về quân sự của Việt Nam.

Ngày 1/6/1725, chúa Nguyễn Phúc Chu mất, thọ 50 tuổi. Với 34 năm trị vì xứ Đàng Trong (1691-1725), bên cạnh sự nghiệp ổn định biên cương, mở mang bờ cõi, phát triển đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, chúa Nguyễn Phúc Chu còn để lại cho hậu thế những áng thi ca, văn chương rất có giá trị.

Có thể nói trong các đời chúa Nguyễn, chúa Nguyễn Phúc Chu là một tác gia văn học lớn nhất, đặc biệt là thơ Đường luật, đã để lại những bài thơ gây ấn tượng, rất đặc sắc, nhất là về thơ thiên thì các hậu duệ của ông dù là nhà thơ lớn đời sau cũng không thể hơn được. Ông xứng đáng là một tác gia lớn của nền văn học sử Việt Nam thế kỷ XVII - XIII.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**